TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2022
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyến

Ông Trần Văn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương Th**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Q.

2. Bị đơn: Anh **Hà Văn T**, sinh năm 1995.

HKTT: Thôn H, xã M, huyện N, tỉnh H.

Chỗ ở hiện nay: phòng 416, lầu 4, ký túc xá công ty F, khu công nghiệp N3, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương Th trình bày*:

Chị và anh Hà Văn T chung sống vào năm 2017, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Q (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31/2017, ngày 12/7/2017).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến hơn 01 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Nay chị Th xin ly hôn với anh T.

- Con chung: có 01 cháu tên là Hà Hữu Đ, sinh ngày 18/9/2017. Ly hôn, chị xin nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Th xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Hà Văn T trình bày*:

Anh và chị Nguyễn Thị Phương Th tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Q.

Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Anh và chị Th sống ly thân khoảng 01 năm nay. Do vợ chồng không còn thương yêu nhau nên nay chị Th xin ly hôn, anh đồng ý.

- Con chung: có 01 cháu tên là Hà Hữu Đ, sinh ngày 18/9/2017. Ly hôn, chị Th xin nuôi con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Anh T có yêu cầu vắng mặt khi xét xử vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Hà Văn T tự nguyện chung sống vào năm 2017, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Hà Hữu Đ, sinh ngày 18/9/2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường cãi nhau. Nay chị Th xin ly hôn, xin nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, đương sự không tranh chấp tài sản chung và khai không có nợ chung. Anh T đồng ý với yêu cầu của chị Th. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều

9, 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Hà Văn T có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Phương Th yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Hà Văn T. Do anh T đang sinh sống tại ký túc xá công ty F, khu công nghiệp N3, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phương Th, bị đơn là anh Hà Văn T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Hà Văn T chung sống vào năm 2017, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31/2017, ngày 12/7/2017. Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị Th xin ly anh T vì vợ chồng không còn thương yêu nhau.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị Th và anh T khai là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh chị sống ly thân nhau đã 01 năm nay. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Th vì không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh T đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Th được ly hôn anh T là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị Th và anh T khai có 01 con chung là Hà Hữu Đ, sinh ngày 18/9/2017. Ly hôn, chị Th xin nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, anh T đồng ý. Xét việc thỏa thuận nuôi con chung giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[5]. Tài sản chung: đương sự không tranh chấp nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 chị Th phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương Th về việc "Ly hôn" đối với bị đơn anh Hà Văn T.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Phương Th được ly hôn anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Hà Hữu Đ, sinh ngày 18/9/2017 cho chị Nguyễn Thị Phương Th nuôi dưỡng. Anh Hà Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007311 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Phương Th, anh Hà Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai